

# PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

*Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không*

*Thời gian: 29/03/2001*

*Giảng tại: Tịnh tông Học hội Singapore*

## Tập 141

Chư vị đồng học, chào mọi người! Ý nghĩa của “chỉ quán” sâu rộng vô biên, trong kinh điển nói: “*Pháp tánh tịch nhiên là chỉ, pháp tánh thường chiếu là quán.*” Trong kinh Đại thừa chúng ta thường thấy từ “tịch chiếu”, “tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch”, từ đây cho thấy, chỉ và quán là một sự việc. “Chiếu mà thường tịch”, quán tức là chỉ; “tịch mà thường chiếu”, chỉ chính là quán. Do đây có thể biết, trong công phu tu hành thì chỉ và quán là hai mặt của một thể. Trước đây đại sư Tăng Triệu từng nói: “Buộc tâm vào duyên thì gọi là chỉ, phân biệt tướng tượng gọi là quán.” Nói theo thập thiện nghiệp đạo thì duyên chính là thập thiện nghiệp, chúng ta niệm niệm không lìa thập thiện nghiệp, đây là chỉ, nhà Nho gọi là “chỉ ư chí thiện”.

Đạo lớn của Khổng Mạnh, nói thật ra chính là ba câu nói ở trong sách Đại Học: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện*”, đây là tổng cương lĩnh đại đạo của Khổng Mạnh, các ngài cả đời tự hành hóa tha đều không lìa khỏi nguyên tắc này. “Minh minh đức” là quán; “thân dân”, “chỉ ư chí thiện”, đây là chỉ. Cho nên ngài nói “*tri chỉ nhi hậu hữu định*”, định chính là tâm thanh tịnh hiện tiền, cảnh giới thiền định hiện tiền. Tâm của chúng ta vì sao loạn như vậy? Vì sao không thể định được? Vì chúng ta không tri chỉ, không biết phải dừng tâm ở chỗ nào. Học giả của nhà Nho có công phu định lực, tuy họ chưa từng tiếp xúc, cũng chưa từng học thiền định, nhưng công phu định lực từ đâu mà có vậy? Họ tri chỉ, họ biết chỉ ư chí thiện. “Chí thiện” đó chính là “minh minh đức”, “minh minh đức” với “minh tâm kiến tánh” mà trong Phật pháp nói là vô cùng giống nhau.

Chúng ta tu học, chúng ta cần phải dừng tâm vào chỗ nào? Thông thường các đồng tu đều nói, chúng ta phải nên dừng tâm vào thánh hiệu Di-đà. Cách nói này có sai hay không? Không sai. Có viên mãn hay không? Không viên mãn. Tại sao nói không viên mãn? Bởi vì bạn đối với thánh hiệu Di-đà liễu giải không rõ ràng, cho nên không viên mãn. Nếu bạn đối với thánh hiệu Di-đà liễu giải thấu triệt rồi, thì

dùng tâm vào danh hiệu Di-đà là đại viên mãn. Lời này nên nói như thế nào? Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã từng nói, danh hiệu Di-đà là nguyện thứ 18 trong 48 nguyện; nguyện thứ 18 đã bao hàm rất viên mãn 47 nguyện khác, thiếu một nguyện thì nguyện thứ 18 sẽ không viên mãn. Ngày nay, từ Nhật Bản truyền đến “bốn nguyện niệm Phật”, chỉ chấp trước nguyện thứ 18, còn 47 nguyện khác đều không cần nữa, vậy thì nguyện thứ 18 tan vỡ rồi. Giống như xây nhà vậy, cái nhà quan trọng nhất là mái nhà, không có mái nhà thì đâu thành nhà được? Mái nhà phải cần bao nhiêu trụ, bao nhiêu xà mới chống nó lên được? Nay trụ và xà đều không cần nữa, chỉ có cần mái nhà thì có được không? Sai rồi, họ không hiểu đạo lý này. Thêm nữa, nền tảng của 48 nguyện là gì? Là toàn bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ; hay nói cách khác, xa rời kinh Vô Lượng Thọ thì 48 nguyện cũng tan vỡ mất. Kết cấu của toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ ở đâu vậy? Ở kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Sau đó bạn mới biết, một câu danh hiệu này, công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, một câu danh hiệu này đều bao gồm tất cả mọi thiện pháp của thế xuất thế gian ở trong đó. Cho nên, tôi nói bạn chấp trì danh hiệu không viên mãn, đạo lý là ở chỗ này.

Chấp trì danh hiệu ở mức thấp nhất là bạn phải ứng dụng thập thiện nghiệp đạo, đoạn thập ác nghiệp, tu thập thiện nghiệp thì niệm Phật mới sanh ra tác dụng; nếu không thể đoạn ác tu thiện thì câu Phật hiệu này là niệm suông, đại đức xưa gọi là “hét bể cỏ hòng cũng uống công”, lời này là thật, không phải giả. Tại sao có người niệm Phật có hiệu quả, nhưng có người niệm Phật cả đời vẫn là lưu chuyển theo nghiệp? Mấu chốt là ở biết và không biết. Biết, nói thật ra rất đơn giản, cũng không khó; đối nhân xử thế tiếp vật hoàn toàn dùng thập thiện, nghiêm túc tu thập thiện, nhất định phải đoạn thập ác, vậy thì chúng ta niệm một câu danh hiệu này chắc chắn vãng sanh, chúng ta sẽ thành công.

Quý vị nhất định phải hiểu rõ, phải sáng tỏ, A-di-đà Phật là bậc đại thiện số một của thế xuất thế gian; lời nói này cũng không phải tôi nói, mà là Thích-ca Mâu-ni Phật nói ở trong kinh Vô Lượng Thọ; ngài tán thán A-di-đà Phật là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, đây chính là bậc đại thiện số một của thế xuất thế gian. Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán như vậy, trên thực tế chính là đại diện cho sự tán thán chung của mười phương ba đời tất cả chư Phật. Tâm hạnh của chúng ta bất thiện thì làm sao có thể tương ứng với A-di-đà Phật được? Niệm một câu “A-di-đà Phật” này không tương ứng, cho nên bạn niệm không có hiệu quả. Những người

niệm có hiệu quả, bạn hãy quan sát tỉ mỉ, họ đều là người có tâm địa và hành vi lương thiện, vậy mới có thể vãng sanh.

Niệm Phật có công phu thật sự hay không thì một chiêu cuối cùng hoàn toàn hiển lộ ra. Bạn sống ở thế gian, bạn dùng đủ thứ phương tiện khéo léo để che đậy người, lừa gạt người, người ta gọi bạn là người thiện, bạn có được danh tiếng tốt, chưa chắc là sự thật, phải xem bạn chết như thế nào; một chiêu đó không thể lừa người được, công phu đích thực là xem ở chỗ này. Bạn ra đi rất tự tại, đi rất tiêu sái thì bạn là công phu thật; nếu bạn ra đi có đau khổ, ra đi rất khó chịu thì bạn là đồ giả, bạn không phải thật. Một chiêu này không thể làm giả, không thể lừa người. Cho nên, chúng ta bất luận đối với xuất gia hay tại gia, toàn bộ công phu tu hành của bạn trong một chiêu sau cùng đều lộ rõ, cả đời có thể che đậy người, nhưng một chiêu cuối cùng này không thể lừa người được.

Hiện nay ở thời đại này, người xuất gia tu hành không bằng người tại gia. Tôi có cảm xúc này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có cảm xúc càng sâu hơn. Ông nói, thời mạt pháp toàn bộ đều điên đảo cả rồi. Vào thời xưa, trong số người học Phật thành tựu nhiều, thành tựu cao, thứ tự sắp xếp đó là nam chúng xuất gia đứng đầu; số người thành tựu cao chiếm số đông thì nam chúng xuất gia là đứng đầu, nữ chúng xuất gia thứ hai, nam chúng tại gia thứ ba, nữ chúng tại gia thứ tư, đây là vào thời xưa. Thế nhưng hiện nay thì toàn bộ điên đảo rồi, niệm Phật vãng sanh biết trước giờ ra đi, đứng mà đi, ngồi mà đi, thật sự có thành tựu thì nữ chúng tại gia đứng đầu, số người nhiều nhất, thứ hai là nam chúng tại gia, thứ ba là nữ chúng xuất gia, còn nam chúng xuất gia là cuối cùng. Vì sao lại có hiện tượng này? Chúng ta phải phản tỉnh, rốt cuộc chúng ta sai ở chỗ nào? Không khó để thấy ra, đó là tự tư tự lợi, tranh danh đoạt lợi, đổ kỹ chướng ngại, những thứ khác tôi không cần nói nữa, chỉ ba điều này chính là nghiệp nhân của địa ngục. Cho nên cổ đức nói: “Dưới áo cà-sa mất thân người”, câu này nói ra vô cùng đau lòng. Mất thân người, kết quả là bạn đi vào ba đường ác. Đòi sau, ngay cả thân người bạn cũng không thể có được. Vậy đòi này bạn đã tu cái gì?

Cho nên, chúng ta tu hành nhất định phải nhớ kỹ một nguyên tắc lớn, tiền đề lớn là như lý như pháp. Lý là “pháp tánh tịch nhiên”, “pháp tánh thường chiếu”, hai câu nói này chính là nói rõ tự tánh của chúng ta đầy đủ trí tuệ viên mãn. Pháp tánh là tự tánh của chúng ta, thường chiếu là trí tuệ, tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát-nhã,

thường chiếu. Tịch nhiên là vốn định, trong kinh Lăng-nghiêm gọi là “thủ Lăng-nghiêm đại định”, đây là tánh định, không phải do tu mà có, mà trong tự tánh của bạn vốn dĩ là như vậy, đây là chân lý. Tự tánh vốn định, hiện nay vì sao không định? Hiện nay không phải tự tánh làm chủ. Ai đã làm chủ tề? Vô minh làm chủ. Chúng ta gọi là vọng tâm làm chủ, vọng tâm là gì? Là vô minh, vô minh chính là hồ đồ, không hiểu rõ chân tướng sự thật; tâm phân biệt làm chủ, chấp trước làm chủ. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tưởng là vô minh phiền não, phiền não làm chủ. Thế nhưng trong kinh, Phật dạy chúng ta phiền não là hư vọng, phiền não không phải thật, trong pháp tánh không có phiền não.

Phật nhìn tất cả chúng sanh là nhìn bản tánh của tất cả chúng sanh, cho nên Phật tôn kính đối với tất cả chúng sanh. Vì sao vậy? Bản tánh của chúng sanh và bản tánh của Phật không hai không khác. Trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác, Phật nói: “Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật.” Hiện nay có phải là Phật hay không? Trong mắt Phật thấy chúng sanh là Phật, đích thực là Phật, một chút cũng không giả. Nhìn từ đâu vậy? Nhìn từ căn tánh sáu căn của bạn, căn tánh của sáu căn là thật. Hiện nay vì sao bạn lại biến thành hình dạng này? Sáu thức biến bạn thành hình dạng này. Thức là giả, tánh là thật; thứ thật thì vĩnh hằng bất biến, vĩnh viễn không diệt. “Tám không” được nói trong Trung Quán Luận đều là hình dung cho chân tánh: “Không sanh không diệt, không đến không đi, không thường không đoạn, không một không khác”, đây là chân tánh, tất cả chúng sanh ai nấy đều đầy đủ, nhưng chúng ta ngày nay phải tu.

Cách tu như thế nào? Nói thật ra, Phật dạy chúng ta dùng chân tánh, đừng dùng vọng thức, bạn biết công phu này, bạn chuyển biến được thì bạn là người thượng thượng căn, bạn là người căn tánh viên đốn, không cần trải qua nhiều tầng thứ, tức khắc liền chứng pháp thân đại sĩ. Đạo lý và phương pháp này thì Thế Tôn đã nói trong kinh Lăng-nghiêm. Pháp sư Giao Quang là người rất hiếm có, pháp sư Giao Quang chú giải kinh Lăng-nghiêm, có một mẫu chuyện như sau. Khi thọ mạng của ông đến rồi, ông bị bệnh, A-di-đà Phật đến tiếp dẫn ông vãng sanh. Ông nói với A-di-đà Phật rằng, kinh Lăng-nghiêm truyền vào Trung Quốc, những chú giải từ xưa đến nay đều chưa thật sự đem ý của Phật biểu lộ ra được, cho nên ông muốn làm lại chú giải, ông hướng về A-di-đà Phật xin phép, đợi sau khi chú giải xong bộ kinh này rồi sẽ vãng sanh, A-di-đà Phật đồng ý, Phật bèn đi khỏi. Trong bài tựa trên kinh có

một mẫu chuyện như vậy, ông viết chú giải cho kinh Lăng-nghiêm, gọi là “Lăng-nghiêm Kinh Chánh Mạch”.

Thật sự phương pháp tu hành mà ông đưa ra cùng với phương pháp mà đại đức xưa nói không như nhau, ông dứt khoát chủ trương “*xả thức, dùng căn*”, phương pháp này cao! Lập tức liền chuyển lại ngay; hay nói cách khác, dạy chúng ta trong đời sống thường ngày, đối với người, với việc, với vật đừng dùng tám thức, mà trực tiếp dùng căn tánh. Mắt chúng ta nhìn, hãy dùng tánh thấy để nhìn tánh sắc, dùng tánh nghe để nghe tánh âm thanh, vậy thì lập tức liền minh tâm kiến tánh; hay nói cách khác, từ địa vị phàm phu vừa nâng lên thì thành pháp thân đại sĩ, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn thấy đều không còn nữa. Phương pháp này cao, không sai, là ý nghĩa đích thực mà Phật đã nói trong hội Lăng-nghiêm, thế nhưng không có người nào có thể tu thành công; nói được rất hay, nhưng không thể làm được! Vấn đề là “*xả thức*”, xả thức không nổi; “*dùng căn*” lại không biết dùng, cho nên bạn không thể thành pháp thân đại sĩ nổi.

Xưa nay đại đức chú giải kinh Lăng-nghiêm là chịu sự ảnh hưởng của đại sư Trí Giả, trong bài tựa của kinh Lăng-nghiêm đều có ghi chép. Kinh Lăng-nghiêm trước khi truyền vào Trung Quốc, có một số cao tăng đại đức Ấn Độ đến núi Thiên Thai thăm hỏi đại sư Trí Giả. Đại sư Trí Giả là chuyên dụng công nơi Pháp Hoa, phát minh ra phương pháp tu hành “tam chỉ tam quán”, đây là do đại sư Thiên Thai phát minh; trước tác này của ngài cũng vô cùng tuyệt vời, ba loại chỉ quán mà tông Thiên Thai nói là do bản thân đại sư Thiên Thai nói. Loại thứ nhất là “*tiệm thứ chỉ quán*”, giống như leo cầu thang, leo lên từng bậc từng bậc; đại sư giảng “*Thiền Ba-la-mật*” gồm mười quyển, chính là nói về tiệm thứ chỉ quán. Loại thứ hai là “*bất định chỉ quán*”, đốn tiệm bất định, ngài đã giảng một quyển “*Lục Diệu Môn*”, chính là “*Tiểu Chỉ Quán Lục Diệu Môn*”. Loại thứ ba là “*viên đốn chỉ quán*”, chính là “*Ma-ha Chỉ Quán*” mà ngài đã giảng, tổng cộng có 10 quyển. Đây là phương pháp tu hành của tông Thiên Thai. Những chú sớ của ngài đối với chỉ quán, tổng cộng có hơn 20 loại. Ngài vẫn dùng tâm ý thức, cho nên đối với việc tu học của chúng ta thì tương đối dễ dàng. “*Xả thức, dùng căn*”, nói trên lý luận thì không sai, nhưng đối với việc chúng ta tu hành thì có mức độ khó khăn nhất định. Đại biểu cho chú giải xưa của kinh Lăng-nghiêm là đại sư Trường Thủy, người thời Tống. Chú giải của đại sư Giao Quang được xem là mới. Cho nên có hai phái là tân và cựu. Ngài Giao Quang là

người thời Minh, cùng thời đại với đại sư Liên Trì. Điều “chỉ quán” này chúng ta giảng đến đây.